

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGÔ THỊ THANH TRÚC**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/03/1979; Nam; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: Số 135 B2 đường Mậu Thân, khu vực 5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: ntttruc@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/2002 đến tháng 3/2004: Tập sự nghiên cứu viên, Bộ môn Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng, trường Đại học Cần Thơ.

- Từ tháng 10/2002 đến tháng 6/2006: Học thạc sĩ ngành Khoa học môi trường tại Trường đại học Cần Thơ (chương trình liên kết đào tạo với trường Đại học Aarhus, Đan Mạch.

- Từ tháng 4/2004 đến tháng 01/2012: Giảng viên, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ.

Trong đó, từ tháng 6/2007 đến tháng 5/2011: Học tiến sĩ ở Philippines ngành Khoa học môi trường, ngành phụ Kinh tế nông nghiệp (chuyên ngành Kinh tế tài nguyên).

- Từ tháng 01/2013 đến tháng 03/2015: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).

Trong đó, ứng viên tham gia tập huấn ngắn hạn về kinh tế biến đổi khí hậu (27-28.02.2014), định giá, phân tích meta và chuyển giao giá trị các dịch vụ hệ sinh thái của các khu bảo tồn (17-20.03.2014) do EEPSEA tổ chức.

- Từ tháng 4/2015 đến tháng 3/2018: Giảng viên, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017).

Trong đó, ứng viên tham gia tập huấn ngắn hạn về phương pháp và cách tiếp cận phân tích chuỗi giá trị từ công ty đến nông trại (3-7.8.2015) do SEARCA tổ chức và khóa đào tạo sau đại học về định giá môi trường (tháng 01 – 03.2016) tại trường đại học Gothenburg, Thụy Điển.

- Từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2022: Giảng viên chính, Phó Trưởng bộ môn Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Khoa Kinh Tế (nhiệm kỳ 2012 – 2017, 2017 – 2022 và 2020 – 2025).

- Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên chính, Phó Trưởng Khoa Kinh tế Tài Nguyên Môi Trường, Trường Kinh Tế (nhiệm kỳ 2020 – 2025).

Trong đó, ứng viên tham gia tập huấn trực tuyến về chuyên đổi hệ thống đổi mới nông nghiệp trong tương lai (16.11.2022 – 01.02.2023) và chương trình đổi mới nông nghiệp (22.11.2022 – 28.02.2023) do SEARCA tổ chức.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế tài nguyên môi trường, Trường Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, trường Đại học Cần Thơ, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 02923 838831

Điện thoại di động: 0949438991; E-mail: ntttruc@ctu.edu.vn

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 09 năm 2001; số văn bằng: B305947; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Ngoại thương; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 04 năm 2006; số văn bằng: A020168; ngành: Khoa học môi trường; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Cần Thơ

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 04 năm 2011; văn bằng:; ngành: Khoa học môi trường; chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp (Kinh tế tài nguyên thiên nhiên); Nơi cấp bằng TS: Đại học Philippines Los Baños, Philippines.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1) **Kinh tế nông nghiệp và chính sách**: Phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả tài chính, đánh giá tác động kinh tế, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, phân tích lựa chọn và hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng trong sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, là cơ sở đề xuất chính sách phát triển nông nghiệp, sử dụng tài nguyên và tiêu dùng một cách hiệu quả và bền vững.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng 1 gồm:

- Bài báo khoa học: số TT 1, 3, 4, 7, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 24, 25, 29, 30, 32 và 34 (mục 7).

- Đề tài khoa học: (mục 6)

+ Đề tài Bộ (Khoa học công nghệ): số TT 3 (chủ nhiệm)

+ Đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Cần Thơ): số TT 1 (chủ nhiệm)

+ Đề tài cấp quốc gia (Tây Nam Bộ): số TT 4 (Thư ký, thành viên chính)

+ Đề tài cấp quốc tế (IRRI): số TT 06 (chủ nhiệm)

- Sách phục vụ đào tạo: số TT 3, 6, 7, 8 (mục 5).

- Hướng dẫn NCS, HVCH: (mục 4)

+ NCS: số TT 1 (đã tốt nghiệp)

+ HVCH: 4, 7, 8, 10, 11 và 13

Hướng nghiên cứu 2) **Kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách**: Ước lượng hay lượng hóa kinh tế các tác động môi trường, xã hội và kinh tế, các ngoại ứng của các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt. Lượng hóa kinh tế bao gồm ước tính giá trị kinh tế của tài nguyên môi trường có và không có giá thị trường. Ngoài ra, các nghiên cứu về đánh giá lựa chọn và hành vi của người sản xuất và tiêu dùng trong việc giảm ngoại ứng, ứng phó biến đổi khí hậu và quản lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nhằm đề xuất chính sách tài nguyên môi trường theo hướng hiệu quả và bền vững.

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng 2 gồm:

- Bài báo khoa học: số TT 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 19, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 31, 33, 35 và 36 (mục 7).

- Đề tài khoa học: (mục 6)

+ Đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Cần Thơ): số TT 02 (chủ nhiệm)

- + Đề tài cấp quốc tế (EEPSEA và SEARCA): số TT 05 và 09 (chủ nhiệm)
- + Đề tài cấp cơ sở (ODA E10 và E11): số TT 07 và 08 (Trưởng đề tài nhánh)
- Sách phục vụ đào tạo: số TT 1, 2, 4, 5, 9 và 10 (mục 5).
- Hướng dẫn NCS, HVCH: (mục 4)
 - + NCS: số TT 2 (đã bảo vệ cấp cơ sở)
 - + HVCH: 3, 5, 6, 9 và 12

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 NCS, trong đó, 01 NCS đã tốt nghiệp và nhận bằng tiến sĩ, 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án cấp cơ sở.
- Đã hướng dẫn 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đề tài khoa học công nghệ

Chủ nhiệm các đề tài đã nghiệm thu:

- + Đề tài Bộ (Khoa học công nghệ): 01 đề tài
- + Đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Cần Thơ): 02 đề tài
- + Đề tài cấp quốc tế (EEPSEA, IRRI và SEARCA): 03 đề tài

Tham gia và thành viên chính, trưởng đề tài nhánh các đề tài đã nghiệm thu:

- + Đề tài cấp quốc gia (Tây Nam Bộ): 01 đề tài (thư ký)
- + Đề tài cấp cơ sở (ODA, E10 và E11): 02 đề tài (trưởng đề tài nhánh)
- Đã công bố 36 bài báo khoa học, trong đó
 - 36 bài báo khoa học, trong đó
 - + 06 bài báo tiếng Anh thuộc danh mục WoS, Scopus, trong đó, 04 bài là tác giả chính và 02 bài là đồng tác giả.
 - + 16 bài báo tiếng Anh và 20 bài tiếng Việt.
- Đã xuất bản 10 chương sách và sách phục vụ đào tạo, trong đó
 - + 06 chương sách tiếng Anh, trong đó 03 chương sách tiếng Anh được xuất bản của nhà xuất bản Springer (đồng tác giả)
 - + 04 quyển sách đã được xuất bản tại nhà xuất bản Đại học Cần Thơ với vai trò là tác giả và đồng tác giả của sách và chương sách.

Các quyển sách trên đã được xác nhận sử dụng làm tài liệu học tập các bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ các ngành tại Trường Đại học Cần Thơ.

15. Khen thưởng:

Hình thức khen thưởng	Số quyết định và ngày ký
Tuyên dương cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác kiểm định chất lượng theo chuẩn AUN bậc đại học ngành Kinh tế nông nghiệp	531/KT, 18/11/2013
Vinh danh nữ viên chức là tiến sĩ trẻ	5564/QĐ-ĐHCT, 15/10/2014
Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2012-2013	2916/QĐ-ĐHCT, 23/07/2013
Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2013-2014	2199/QĐ-ĐHCT, 01/07/2014

Hình thức khen thưởng	Số quyết định và ngày ký
Danh hiệu Lao động Tiên tiến năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 và 2021-2022	2503/QĐ-ĐHCT, 13/7/2015 3211/QĐ-ĐHCT, 16/08/2016 2756/QĐ-ĐHCT, 15/08/2017 3620/QĐ-ĐHCT, 22/08/2018 3454/QĐ-ĐHCT, 21/08/2019 2191/QĐ-ĐHCT, 21/08/2020 3859/QĐ-ĐHCT, 11/10/2021 2785/QĐ-ĐHCT, 5/08/2022 2793/QĐ-ĐHCT, 21/06/2023

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên tự đánh giá bản thân như sau:

- Luôn có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng.
- Trong công việc, ứng viên luôn tâm huyết và nỗ lực với nghề nghiệp, giữ gìn danh dự, lương tâm và đạo đức nhà giáo.
- Luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; đánh giá công bằng và đúng năng lực của người học; tôn trọng nhân cách, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học và đồng nghiệp.
- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của nhà trường và của ngành.
- Có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.
- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giảng viên và các nhiệm vụ khác được giao.
- Không đang trong thời gian bị kỷ luật.

Với những kết quả nêu trên, ứng viên tự đánh giá bản thân đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thâm niên đào tạo: 16 năm được tính từ khi được tuyển dụng vào ngạch giảng viên tháng 4/2004 đến tháng 6/2024 không bao gồm 04 năm đi học tiến sĩ ở nước ngoài (6/2007 – 4/2011). Thông tin về đào tạo đại học và sau đại học của 6 năm từ 2018-2019 đến 2023 – 2024 (ngày 30/6/2024) như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018 – 2019			2	10	259,5	87,8	347,3/597,3/230
2	2019 – 2020			3	10	201,3	175,6	376,9/626,9/230
3	2020 – 2021				10	383,4	175,6	559/809/238
03 năm học cuối								
4	2021 – 2022			2	10	255	87,8	374,9/624,9/238
5	2022 - 2023	1		1	10	264		264/514/238
6	2023 - 2024	1			12	210		210/510/238

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Philippines Los Baños tại Philippines năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Anh: chứng chỉ C tiếng Anh do trường Đại học Cần Thơ cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ứng viên đã hướng dẫn 2 NCS và 11 HVCH, cụ thể gồm:

- **Hướng nghiên cứu [1] kinh tế nông nghiệp và chính sách, gồm:**

+ NCS: số TT 1 (đã tốt nghiệp)

+ HVCH: 4, 7, 8, 10, 11 và 13

- Hướng nghiên cứu [2] kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách, gồm:

+ NCS: số TT 2 (đã bảo vệ cấp cơ sở)

+ HVCH: 3, 5, 6, 9 và 12

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Ngọc Danh	X		X		06/2018- 10/2023	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 5217/QĐ- ĐHCT ngày 10/10/2023
2	Lê Thị Kim Loan	X		X		5/2017- 12/2024	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 129/QĐ- ĐHCT ngày 15/01/2024 (đánh giá cấp cơ sở)
3	Chung Khả Linh		X	X		08/2014- 12/2016	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 5873/QĐ- ĐHCT ngày 30/12/2016
4	Nguyễn Hương Dương		X	X		08/2014- 07/2017	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 2397/QĐ- ĐHCT ngày 07/07/2017
5	Nguyễn Lê Kiều Diễm		X	X		8/2014- 10/2017	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3714/QĐ- ĐHCT ngày 10/10/2017
6	Huỳnh Văn Cường		X	X		8/2014- 10/2017	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4570/QĐ- ĐHCT ngày 16/10/2018
7	Dương Minh Toàn		X	X		09/2015- 10/2018	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4852/QĐ- ĐHCT ngày 24/10/2018
8	Đoàn Ngọc Trinh		X	X		12/2017- 10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4881/QĐ – ĐHCT ngày 18/10/2019
9	Lê Ngô Như Tuyền		X	X		09/2018- 10/2019	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 4881/QĐ – ĐHCT ngày 18/10/2019
10	Triệu Ngọc Lợi		X	X		12/2018- 05/2020	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 1021/QĐ – ĐHCT ngày 25/05/2020
11	Nguyễn Thị Nhi		X	X		12/2017- 10/2020	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3711/QĐ – ĐHCT ngày 29/10/2022

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
12	Đoàn Trần Oanh Bảo		X	X		12/2018-08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3286/QĐ – ĐHCT ngày 23/08/2021
13	Lê Đăng Khoa		X	X		12/2018-08/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3286/QĐ-ĐHCT ngày 23/08/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ứng viên tham gia biên soạn 10 chương sách và sách tham khảo và chuyên khảo phục vụ đào tạo. Cụ thể:

Hướng nghiên cứu [1] kinh tế nông nghiệp và chính sách:

- + Chương sách tiếng Anh: Số TT 3 (đồng tác giả), 6 và 7 (đồng tác giả, NXB Spinger),
- + Sách chuyên khảo: Số TT 8 (tác giả sách và chương sách)

Hướng nghiên cứu [2] kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách:

- + Chương sách tiếng Anh: Số TT 1 (đồng tác giả) và 2 (tác giả), 4 (đồng tác giả, NXB Spinger),
- + Sách chuyên khảo: Số TT 5 (tác giả và đồng tác giả chương sách) và 8 (tác giả sách và chương sách)
- + Sách tham khảo: Số TT 10 (tác giả sách và chương sách)

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Chương sách trong “Bases for Territory – based Rural Development in the Mekong Delta, Vietnam”	TK	Agricultural Publishing House, 2006 Mã số: 862009/CXB/466-02/NN	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 3. Identification about rural issues in the Mekong River Delta. Part A. The challenges. 3.3. Managing the natural heritage Trang 100-143	Giấy xác nhận số 2209/GXN-ĐHCT, 20/06/2024

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2	Chương sách trong “Based for small and medium sized enterprises and farming household development in the Mekong Delta”	TK	Vietnam Education Publishing House, 2008 Mã số: 8Z067C8-CNC	3	Tác giả chính chương sách	Tác giả chính Agricultural Development and Natural Resource Degradation: An Environmental Review. Trang 242-275 (02 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 2210/GXN-ĐHCT, 20/06/2024
3		TK		4	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả A comparative study of “three reductions three gains” and popular rice production models in the Mekong Delta. Trang 493-529	Giấy xác nhận số 1912/GXN-ĐHCT, 27/06/2022
II	Sau khi được công nhận TS						
4	Chương sách trong Cost-Benefit Studies of Natural Resource Management in Southeast Asia	CK	Nhà xuất bản Spinger, 2015 ISBN: 978-981-287-392-7 (Print) 978-981-287-393-4 (Online)	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 8. Environmental Consequences of and Pollution Control Options for Pond “Tra” Fish Production in Thotnot District, Can Tho City, Vietnam. Trang 157-175 (02 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 2211/GXN-ĐHCT, 20/06/2024
https://doi.org/10.1007/978-981-287-393-4_8							
5	Phát triển kinh tế Đồng Bằng Sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2016	3	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chương 9. Giá trị kinh tế của sản phẩm môi trường Trang 176-195	Giấy xác nhận số 2224/GXN-ĐHCT, 20/06/2024

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
			ISBN: 978-604-965-919-638-6	3	Tác giả chính chương sách	Tác giả chính Chương 10. Định giá kinh tế các tác động môi trường và chính sách Trang 196-216	
III	Sau khi được công nhận tiến sĩ và 3 năm cuối (7/2021 – 6/2024)						
6	Chương sách trong “Sustainable rice straw management”	CK	Nhà xuất bản Springer, 2020 ISBN. 978-3-030-32372-1	11	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 6. Rice-straw mushroom production. Trang 93-109 (26 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 2212/GXN-ĐHCT, 20/06/2024
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_6 https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y							
7	Chương sách trong “Sustainable rice straw management”	CK	Nhà xuất bản Springer, 2020 ISBN: 978-3-030-32372-1	10	Đồng tác giả chương sách	Đồng tác giả Chapter 11. Rice Straw Value Chains and Case Study on Straw Mushroom in Vietnam’s Mekong River Delta. Trang 175-192 (05 lần trích dẫn)	Giấy xác nhận số 2212/GXN-ĐHCT, 20/06/2024
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-32373-8_11 https://library.oapen.org/viewer/web/viewer.html?file=/bitstream/handle/20.500.12657/22844/1007317.pdf?sequence=1&isAllowed=y							
8	Chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2020	13	Võ Thành Danh	Đồng tác giả Chương 1, 2, 6, 8, 9 và Kết luận Trang 1 – 42, 113 – 159 và	Giấy xác nhận số 1881/GXN-ĐHCT, 4/06/2024

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
			ISBN: 978-604-965-397-1			182 – 230 Chủ biên và tác giả chính của Chương 7. Chuỗi giá trị nấm rom ở Đồng Bằng Sông Cửu Long Trang 160 – 181	
9	Môi trường và nông nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long: Phân tích kinh tế	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2021 ISBN: 978-604-965-601-1	13	Võ Thành Danh	Tác giả chính Chương 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận áp dụng mô hình biogas – thực vật. Trang 66-83 Đồng tác giả Chương 8. Hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa Trang 128-139	Giấy xác nhận số 1882/GX N-ĐHCT, 4/06/2024
10	Tác động của xâm nhập mặn đến các mô hình sử dụng đất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	TK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2022 ISBN: 978-604-965-669-9	4	Lê Tấn Lợi	Tác giả chính Chương 2. Chiến lược sinh kế thích ứng với xâm nhập mặn đến thu nhập hộ trồng măng cụt và lúa tại tỉnh Bến Tre. Trang 28-38 Đồng tác giả Chương 3. Phân tích hiệu quả kinh tế các hộ trồng lúa ở Bến Tre. Trang 39-47	Giấy xác nhận số 1883/GX N-ĐHCT, 4/6/2024

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Ứng viên đã thực hiện 9 đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu. Cụ thể:

Hướng nghiên cứu [1] kinh tế nông nghiệp và chính sách:

- + Đề tài Bộ (Khoa học công nghệ): số TT 03 (chủ nhiệm)
- + Đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Cần Thơ): số TT 01 (chủ nhiệm)
- + Đề tài cấp quốc gia (Tây Nam Bộ): số TT 04 (Thư ký, thành viên chính)
- + Đề tài cấp quốc tế (IRRI): số TT 06 (chủ nhiệm)

Hướng nghiên cứu [2] kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách:

- + Đề tài cấp cơ sở (Trường Đại học Cần Thơ): số TT 02 (chủ nhiệm)
- + Đề tài cấp quốc tế (EEPSEA và SEARCA): số TT 05 và 09 (chủ nhiệm)
- + Đề tài cấp cơ sở (ODA E10 và E11): số TT 07 và 08 (Trưởng đề tài nhánh)

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Phân tích hiệu quả kinh tế các hình thức sử dụng trấu ở Đồng bằng sông Cửu Long	CN	T51/2015 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2015-2016	- Hợp đồng 51T/QLKH2015 ngày 01/6/2016 - Nghiệm thu: QĐ 3567/QĐ-ĐHCT ngày 31/8/2016 - Biên bản họp nghiệm thu ngày 21/9/2016 Kết quả: Đạt
2	Phát triển nông nghiệp và vấn đề suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	CN	TCN2016-26 Cấp cơ sở (ĐHCT)	2016	- Quyết định phê duyệt và giao đề tài 896/QĐ-ĐHCT ngày 30/03/2016 - Nghiệm thu: QĐ 2145/QĐ-ĐHCT ngày 20/6/2016 - Biên bản họp nghiệm thu ngày 21/6/2016 - QĐ công nhận kết quả nghiên cứu: QĐ 3568/QĐ-ĐHCT ngày 31/8/2016 Kết quả: Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
3	Lồng ghép giới trong nghiên cứu phát triển bền vững chuỗi giá trị nhãn Idor ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	CN	B2019-TCT-07 Cấp bộ	2019-2022	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng: số 08-ĐTĐB-2019 ngày 03/01/2019 - Nghiệm thu sản phẩm của đề tài: QĐ số 1619/QĐ-ĐHCT, 19/5/2022 - Biên bản họp nghiệm thu sản phẩm ngày 25/5/2022 - Nghiệm thu cơ sở: QĐ số 2024/QĐ – ĐHCT ngày 15/6/2022 - Biên bản họp nghiệm thu cơ sở ngày 20/6/2022 - Nghiệm thu cấp Bộ: QĐ số 2646/QĐ – ĐHCT ngày 22/9/2022 - Biên bản họp nghiệm thu cấp Bộ ngày 23/10/2022 <p>Kết quả: Đạt</p>
4	Cải thiện chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Thành viên	KHCN-TNB.ĐT/14-19/C09	2017-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng: số 03/2017/HĐ-KHCN ngày 03/03/2017 - Biên bản đánh giá kết quả ngày 31/5/2021 - Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện ngày 17/11/2021 - Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện ngày 29/12/2021 <p>Kết quả: Đạt</p>
5	Du lịch có đóng góp vào bảo tồn đa dạng sinh học và phúc lợi kinh tế cộng đồng tại vườn quốc gia Tràm	CN	DAKT062017 Đề tài quốc tế	2015-2016	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng - Xác nhận hoàn thành đề tài của ICLARM - EEPSEA ngày 26/4/2017

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Chim, Việt Nam không? (Does Tourism Contribute to the Biodiversity Conversation and Community Well-being in Tram Chim National Park, Vietnam?)				- Xác nhận hoàn thành đề tài của trường Đại học Cần Thơ ngày 26/6/2022 Kết quả: Hoàn thành
6	Lồng ghép giới và phân tích chuỗi giá trị để phát triển sản xuất nấm rơm ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Tình huống ở huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (Including gender issues and value chain analysis to develop straw mushroom production in the Mekong Delta: Case study Vinh Loi district, Bac Lieu province)	CN	ASPHIL00618NCKT Đề tài quốc tế	2015-2016	- Hợp đồng - Xác nhận hoàn thành đề tài của IRRI ngày 03/11/2021 - Xác nhận hoàn thành đề tài của trường Đại học Cần Thơ ngày 26/6/2022 Kết quả: Hoàn thành
7	Nghiên cứu tính khả thi về kinh tế - xã hội của các giải pháp áp dụng giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động của biến đổi khí hậu (To study the socio – economic feasibility of the climate change and environment – related solutions)	Thành viên	E-10 Đề tài ODA	2018-2021	- Hợp đồng: số 49/HĐ.VN14P6-NCKH.2018 ngày 31/10/2018 - Nghiệm thu cơ sở: QĐ số 35/QĐ-PMU – ĐHCT ngày 27/10/2021 - Biên bản họp nghiệm thu cơ sở ngày 11/11/2021 - Nghiệm thu chính thức: QĐ số 64/QĐ-PMU.VN14-P6 ngày 01/12/2021

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
					- Biên bản họp nghiệm thu chính thức ngày 28/12/2021 Kết quả: Đạt
8	Nghiên cứu ổn định các hệ thống canh tác khác nhau trong bối cảnh xuất hiện các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và hủy hoại môi trường (To study on the resilience of different farming systems in the context of extreme weather events and environmental degradation)	Thành viên	E-11 Đề tài ODA	2018-2021	- Hợp đồng: số 50/HĐ.VN14P6-NCKH.2018 ngày 31/10/2018 - Nghiệm thu cơ sở: QĐ số 36/QĐ-PMU – ĐHCT ngày 11/11/2021 - Biên bản họp nghiệm thu cơ sở ngày 11/11/2021 - Nghiệm thu chính thức: QĐ số 73/QĐ-PMU.VN14-P6 ngày 01/12/2021 - Biên bản họp nghiệm thu chính thức ngày 30/12/2021 Kết quả: Đạt
9	Áp dụng các giải pháp khí sinh học bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam: Các phương án và rào cản để tăng cường sử dụng sinh khối làm nguyên liệu cho khí sinh học của nông dân và hộ gia đình nhằm giảm phát thải khí nhà kính và giảm chi phí năng lượng (Adopting sustainable biogas solutions in the Mekong Delta, Vietnam: Options)	CN	ASPHIL00618NCKT Đề tài quốc tế	2017-2019	- Hợp đồng GCS17-4128, 23/10/2017 - Xác nhận hoàn thành đề tài của SEARCA ngày 21/12/2023 - Xác nhận hoàn thành đề tài của trường Đại học Cần Thơ ngày 10/6/2024 Kết quả: Hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	and barriers for increased usage of biomass as feedstock for biogas among farmers and households in order to reduce greenhouse gas emissions and lower energy costs)				

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1	Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	6	X	Journal of Environmental Science and Management ISSN 0119-1144	WoS (SCIE), IF=0,34, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124, H-index = 12	30	15, 2, 59-73	2012
https://www.researchgate.net/profile/Florencia-Palis/publication/285840162_Farmers'_Awareness_and_Factors_Affecting_Adoption_of_Rapid_Composting_in_Mekong_Delta_Vietnam_and_Central_Luzon_Philippines/links/576de90408ae10de6395d6c3/Farmers-Awareness-and-Factors-Affecting-Adoption-of-Rapid-Composting-in-Mekong-Delta-Vietnam-and-Central-Luzon-Philippines.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2	Methane generation from untreated rice straw used as ruminant feeds: A comparative assessment of methane emission from rice straw by different utilization methods	3	X	Proceeding of International Conference Agricultural Publishing House ISBN: 978-604-60-0055-6			Trang 590-596	2012
3	Farmers' Awareness and Factors Affecting Farmers' Acceptance to Grow Straw Mushroom in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines	4	X	International Journal of Environment and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700		10	4, 2, 179-184	2013
http://iserd.net/ijerd42/IJERD42.pdf#page=184								
4	Phân tích ảnh hưởng của tín dụng chính thức đến thu nhập của hộ nghèo ở tỉnh Hậu Giang	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phát triển kinh tế - xã hội Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2015 Tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ ISBN: 978-604-919-513-6			Trang 221-238	2015
5	Factors Affecting Householders' Acceptance to Adopt Reduce, Reuse and Recycle-3Rs Program in Domestic Waste Management in Mekong Delta, Vietnam	2	X	International Journal of Environmental and Rural Development Print ISSN: 2185-159X Online ISSN: 2433-3700		1	7, 2, 162-168	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	http://www.iserd.net/wordpress/wp-content/uploads/2017/09/7-2-26.pdf https://www.jstage.jst.go.jp/article/ijerd/7/2/7_162/_pdf/-char/ja							
6	Factors Influencing the Adoption of Small-scale Biogas Digesters in Developing Countries – Empirical Evidence from Vietnam	4	X	International Business Research ISSN: 1913-9004, E-ISSN: 1913-9012	Google based IF = 1,41 H-index = 81	7	10, 2, 1-8	2017
	https://www.academia.edu/download/71669793/12a36c9fcba33d4639082de63c982452338a.pdf							
7	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm (<i>Volvariella Volvacea</i>) ngoài trời ở Huyện Long Mỹ, Hậu Giang	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004		1	15, 1, 118-127	2017
	http://www1.vnua.edu.vn/tapchi/Upload/1-2017/14.pdf							
8	Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004		3	15, 8, 1115-1126	2017
	http://www1.vnua.edu.vn/tapchi/upload/8-2017/14.pdf							
9	A social cost-benefit analysis of biogas technologies using rice straw and water hyacinths as feedstock	3		International Energy Journal ISSN:1513-718X	WoS (ESCI), IF = 1,03, Scopus, Q3, SJR2018 = 0,24	11	18, 4, 311-320	2018
	http://www.rericjournal.ait.ac.th/index.php/reric/article/view/1825/687 doi:10.5539/ibr.v10n2p1 http://dx.doi.org/10.5539/ibr.v10n2p1							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10	Proposed program on improving domestic solid waste management through segregation of waste at source: An empirical research in Mekong Delta, Vietnam	2	X	The UHD-CTU-UEL International Economics and Business Conference 2018 ISSN: 2472-9329 (Print) and 2472-9310 (Online)			Trang 58-67	2018
https://scholar.google.com/citations?view_op=view_citation&hl=vi&user=mj6x3kEAAA-AJ&citation_for_view=mj6x3kEAAA-AJ:ufrVoPGSRksC								
11	Quantification of direct and indirect greenhouse gas emissions from rice field cultivation with different rice straw management practices—A study in the autumn-winter season in An Giang Province, Vietnam	6	X	Journal of Vietnamese Environment ISSN: 2193-6471			10, 1, 49-55	2018
https://journals.qucosa.de/jve/article/view/211/209								
12	Phát triển du lịch học tập của sinh viên tại Trung tâm Nông nghiệp Mùa xuân và Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	2	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			55, 1, 102-108	2019
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3516/303								
13	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ cua biển ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo. ISSN: 0866 - 7120			15, 2-15	2019
https://kinhtevadubao.vn/gioi-thieu-tap-chi-kinh-te-va-du-bao-so-15-697-17709.html								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
14	Phương pháp tiếp cận chuỗi cung ứng ngành hàng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long	2		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			726, 155-158	2020
http://epaper.tapchitaichinh.vn/2020/2020TCTCK1T4/mobile/index.html								
15	Đề xuất cơ sở quy hoạch vùng trồng nấm rơm ở Đồng bằng sông Cửu Long.	8		Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp ISSN: 0866-7675			10, 1, 49-70	2021
http://webserv2.dthu.edu.vn/tckh/images/2021/Tap10So12021/51-72.pdf								
16	Hiệu quả kinh tế sản xuất nấm rơm ở đồng bằng sông Cửu Long	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 – 2333			57, 2D, 211-219	2021
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/3874/3862								
III Sau khi được công nhận tiến sĩ và 3 năm cuối (7/2021 – 6/2024)								
17	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình nuôi cua-tôm quảng canh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.	3		Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			14, 105-112	2021
https://khoaktdl.vnkgu.edu.vn/admin/pages/public/files/nckh/1641980609.pdf								
18	Ảnh hưởng của chương trình VietGAP đến hiệu quả sản xuất của hộ trồng nhãn Idor ở đồng bằng sông Cửu Long	4	X	Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn ISSN: 1859 – 4581			15, 156-164	2021
https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCVN/Attachments/326192/CVv201S152021156.pdf								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19	Lựa chọn mô hình sản xuất của hộ trồng lúa trong điều kiện xâm nhập mặn: trường hợp Cà Mau và Sóc Trăng.	6		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			57, 5D, 271-280	2021
	https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4078/3999							
20	So sánh hiệu quả kỹ thuật mô hình nuôi cua - tôm ở tỉnh Kiên Giang và Cà Mau	2		Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng. Mục Khoa học xã hội ISSN: 1859-1531			19, 10, 20 – 24	2021
	https://jst-ud.vn/jst-ud/article/view/7592							
21	Ứng dụng mô hình đánh giá tổng hợp DPSIR trong nghiên cứu thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở đồng bằng sông Cửu Long.	5		Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 - 2333			57, 1, 108-120	2021
	https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4133/4042							
22	Phân tích mức độ tổn thương xã hội do xâm nhập mặn của các hộ sản xuất lúa tại tỉnh Kiên Giang	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			8(129), 89-98	2021
	https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2022-01/tc14-2021.pdf							
23	Farmers' behavior and intention to adopt integrated pest management in fruit: Case study in Vietnam	3	X	Journal of Austrian Society of Agricultural Economics ISSN:1815-8129 E-ISSN: 1815-1027			17, 11, 755-769	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/17/11/farmers-behavior-and-intention-to-adopt-integrated-pest-management-in-fruit-case-study-in-vietnam-61b6bdcc566b9.pdf							
24	Analysis of factors affecting the consumption intention of processed sea crabs in big cities in Vietnam	2		Journal of Austrian Society of Agricultural Economics ISSN:1815-8129 E-ISSN: 1815-1027			18, 1, 841-849.	2022
	https://www.sagepublisher.com/volume/JASAE/18/01/analysis-of-factors-affecting-the-consumption-intention-of-processed-sea-crabs-in-big-cities-in-vietnam-61f22688bbca1.pdf							
25	Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on “good practice”– Empirical evidence from fruit growers in Vietnam	2	X	Open Agriculture ISSN: 2391-9531 (De Gruyter)	WoS (ESCI), IF=1,64, Scopus, Q2, SJR2022=0,42, Citescore2022 = 3,2, H-index = 20		7, 1, 39-49	2022
	https://doi.org/10.1515/opag-2022-0069 https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/opag-2022-0069/html?lang=en							
26	Phân tích mức độ tổn thương xã hội do xâm nhập mặn của các hộ sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	6		Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường ISSN: 0866-7608			40, 41-58	2022
	http://hunre2.edu.vn/index.php/tapchikhntm/article/view/394/404							
27	Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam	2	X	Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal ISSN: 2414-584X	WoS (ESCI), Scopus, Q3, Citescore2022 = 0,2, H-index=5)		8, 1, 133-151	2022
	https://doi.org/10.51599/are.2022.08.01.07 https://are-journal.com/are/article/view/513/331							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Lựa chọn mô hình sản xuất của hộ trồng lúa trong điều kiện xâm nhập mặn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	5		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			(297), 74-82	2022
https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/342512/CTv60S2972022074.pdf								
29	Quản lý chuỗi cung ứng ngành hàng cua biển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	2		Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			162, 12-22	2022
https://tckhtm.tmu.edu.vn/vi/cac-so-tap-chi/nam-2022/le-ngoc-danh-va-ngo-thi-thanh-truc-quan-ly-chuoi-cung-ung-nganh-hang-cua-bien-vung-dong-bang-song-cuu-long-396.html								
30	The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data	2	X	Journal of Poverty Print ISSN: 1087-5549 Online ISSN: 1540-7608 (Taylor & Francis)	WoS (ESCI), IF=1,71, Scopus, Q2, SJR2023=0,395		27(2), 153-165	2023
https://doi.org/10.1080/10875549.2021.2010870 https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/10875549.2021.2010870?journalCode=wpov20								
31	Ảnh hưởng của chiến lược sinh kế ứng phó với xâm nhập mặn và kinh tế đến thu nhập hộ trồng măng cụt ở tỉnh Bến Tre	2	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859 – 2333			59, 2, 221-229	2023
https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4075/4418 DOI: 10.22144/ctu.jvn.2023.083								
32	Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược sinh kế của hộ gia đình vùng xâm nhập mặn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			14, 92 – 101.	2023
http://tapchinongnghiep.vn/tapchi/detail/12274								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Impact of saltwater intrusion on poverty in rural households in the Mekong Delta, Vietnam	3		<i>Nature</i> , 17(04), 557 – 570. E-ISSN: 1994-1633	Scopus, Q4, SJR2023= 0,16		17(04), 557 – 570	2023
https://www.nurture.org.pk/index.php/NURTURE/article/view/432								
34	Đa dạng hóa sinh kế và nghèo đói ở vùng bị xâm nhập mặn của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	3		Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và kinh doanh Châu Á. ISSN: 2615-9104			34(09), 04 – 19	2023
https://jables.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=d74bff25-2c6f-4070-be05-1ac5fbec9632								
35	Impact of saltwater intrusion on the livelihood outcomes of rural households in the Mekong Delta	2		Proceeding ICYREB 2023 the 17 th International Conference for Young Reseachers in Economics and Business. NXB Kinh tế TP.HCM. ISBN: 978-604-346-251-7			169 – 176.	2023
36	Mechanism of impact of salinity intrusion on rural household livelihoods in the Mekong Delta	3		Proceeding of 19 th NEU-KKU International Conference in Socio-economic and Environmental Issues in Development. Finance and Publishing House. ISBN: 978-604-79-4446-0.			1719-1731	2024

- Ứng viên công bố 36 bài báo khoa học, gồm 16 bài báo tiếng Anh và 20 bài tiếng Việt.
+ 06 bài báo tiếng Anh thuộc danh mục WoS, Scopus, trong đó, 04 bài là tác giả chính và 02 bài là đồng tác giả.

+ 04 bài báo khoa học (TT 1, 25, 27, 30) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (WoS, ESCI, Scopus) mà ứng viên là **tác giả chính** sau tiên sĩ.

- 1. Bài số 1:** Ngo Thi Thanh Truc, Zenaida M. Sumalde, Maria Victoria O. Espaldon, Enrique P. Pacardo, Corazon L. Rapera and Florencia G. Palis (2012). Farmers' Awareness and Factors Affecting Adoption of Rapid Composting in Mekong Delta, Vietnam and Central Luzon, Philippines. *Journal of Environmental Science and Management* 15(2):59-73. ISSN 0119-1144 (WoS (SCIE), IF=0,34, Scopus, Q4, SJR2012 = 0,124, Citescore2021=0,6, H-index=12).
- 2. Bài số 25:** Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022). Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on “good practice”–Empirical evidence from fruit growers in Vietnam. *Open Agriculture*, 7(1), 39-49. ISSN, 2391-9531 (De Gruyter) (WoS (ESCI), IF=1,64, Scopus, Q2, SJR2022=0,42, Citescore2022=3,2, H-index=20).
- 3. Bài số 27:** Ngo Thi Thanh Truc and Le Vinh Thuc (2022). Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam. *Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal*, 8(1), 133-151. ISSN: 2414-584X (WoS (ESCI), IF = 1,03, Scopus, Q3, SJR2018=0,24, Citescore2021=1,2, H-index=15).
- 4. Bài số 30:** Ngo Thi Thanh Truc and Jan Bentzen (2023). The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data. *Journal of Poverty*, 27(2), 153-165. Print ISSN: 1087-5549, Online ISSN: 1540-7608 (Taylor & Francis) (WoS (ESCI), IF=1,71, Scopus, Q2, SJR2023= 0,395, H-index=29).

Các bài báo theo định hướng nghiên cứu [1] kinh tế nông nghiệp và chính sách: có số TT 1, 3, 4, 7, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 20, 24, 25, 29, 30, 32 và 34.

Các bài báo theo định hướng nghiên cứu [2] kinh tế tài nguyên môi trường và chính sách: có số TT 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 19, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 31, 33, 35 và 36.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thư ký điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4946/QĐ-ĐHCT 30/10/2013	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/8/2014 (Khóa 40)	Minh chứng ở mục III, tập 2A
2	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4235/QĐ-ĐHCT, 26/09/2018	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/7/2019 (Khóa 45) QĐ số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29/05/2020 (Từ Khóa 46)	
3	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Thành viên tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 4788/QĐ-ĐHCT, 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 3334/QĐ-ĐHCT, 24/8/2022 (Khóa 48)	
4	CTĐT đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên từ khóa 48	Tổ phó tổ điều chỉnh CTĐT	QĐ số 800/QĐ-ĐHCT, 02/03/2023	Trường Đại học Cần Thơ	QĐ số 2423/QĐ-ĐHCT, 5/6/2023 (Khóa 49)	
5	Dự án Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ	Thành viên	QĐ số 4201/QĐ-ĐHCT, 15/10/2013	Trường Đại học Cần Thơ	Thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học E10 và E11	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được cấp bằng tiến sĩ/bổ nhiệm PGS

- Thời gian được cấp bằng tiến sĩ: đủ

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy: đủ

- Hướng dẫn chính HVCH: đủ

c) Nghiên cứu khoa học

- Chủ trì nhiệm vụ KHCN: đủ

- Công trình khoa học là tác giả chính: đủ

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Ngô Thị Thanh Trúc